

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN N
TỈNH NAM ĐỊNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 15/2020/DS - ST
Ngày: 01 - 9 - 2020
“V/v tranh chấp hợp đồng vay
tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N - TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Hùng Phương.

Các hội thẩm nhân dân: - Ông Đào Văn Rạng;

- Ông Đàm Văn Kiều.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Công Trình – Thư ký Toà án nhân dân huyện N, tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên tòa: Ông Trần Thế Hùng – Kiểm sát viên.

Ngày 01/9/2020 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện N mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 03/2020/TLST - TCDS ngày 13 tháng 01 năm 2020 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2020/QĐXXST – TCDS ngày 10 tháng 7 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2020/QĐST – TCDS ngày 10/8/2020 giữa:

* *Nguyên đơn:* Bà Phạm Thị M, sinh năm 1949 và ông Nguyễn Văn Ph, sinh năm 1946, cùng địa chỉ: Khu 4, thị trấn R, huyện N, tỉnh Nam Định.

Đại diện theo uỷ quyền của ông Nguyễn Văn Ph là bà Phạm Thị M, sinh năm 1949, địa chỉ: Khu 4, thị trấn R, huyện N, tỉnh Nam Định.

* *Bị đơn:* Chị Trần Thị Nh, sinh năm 1972 và anh Trần Văn A, sinh năm 1969, cùng đăng ký hộ khẩu thường trú tại: Khu 6, thị trấn R, huyện N, tỉnh Nam Định. Địa chỉ liên hệ: Đội 8, Ng, HTX N xã N, huyện N, tỉnh Nam Định.

Tại phiên tòa có mặt bà M; vắng mặt chị Nh, anh A

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn bà Phạm Thị M và ông Nguyễn Văn Ph trình bày: Trên cơ sở quen biết với vợ chồng anh Trần Văn A và chị Trần Thị Nh nên từ những năm 2011-2012, vợ chồng bà Phạm Thị M và ông Nguyễn Văn Ph có cho vợ chồng anh

Trần Văn A, chị Trần Thị Nh vay tiền, mục đích để làm ăn kinh tế, số tiền được cho vay làm nhiều lần, hai bên cứ vay rồi trả cho nhau. Sau đó vợ chồng ông Ph và bà M có đòi nhiều lần nhưng vợ chồng anh A và chị Nh vẫn khát nợ không trả. Vì vậy ngày 05/02/2015 vợ chồng anh A và chị Nh có viết giấy cam kết với vợ chồng ông Ph và bà M là khi nào đòi nợ thì sẽ trả nhưng ông Ph và bà M đã nhiều lần đòi nợ nhưng anh A và chị Nh không trả. Đến ngày 09/7/2017 hai bên đã chốt lại số tiền vay là 594.000.000 đồng (năm trăm chín mươi bốn triệu đồng) và chị Nh đã viết giấy vay tiền nhưng không viết lãi mà hai bên thỏa thuận lãi xuất miệng với nhau. Tính đến thời điểm khởi kiện là tháng 01 năm 2020 vợ chồng anh A và chị Nh không trả cho bà M và ông Ph số tiền gốc và tiền lãi là 30 tháng. Trong quá trình giải quyết vụ án vợ chồng ông Ph và bà M khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc vợ chồng anh A, chị Nh phải trả cho ông Ph, bà M số tiền gốc là 594.000.000 đồng và lãi theo thỏa thuận là 1,5%/tháng cho đến hết tháng 12/2019 là 267.300.000 đồng. Nhưng nay vợ chồng bà M, ông Ph có quan điểm đề nghị vợ chồng chị Nh, anh A phải trả cho vợ chồng bà số tiền gốc là 594.000.000 đồng và số tiền lãi từ tháng 7/2017 cho đến tháng 8/2020 với mức lãi xuất là 0,8%/1 tháng (38 tháng lãi là 180.576.000 đồng). Tháng 12/2019 (AL) chị Nh có trả cho bà M số tiền 5.000.000 đồng là vào tiền lãi chứ không phải vào tiền gốc. Như vậy tại phiên tòa hôm nay bà M ông Ph đề nghị Tòa án buộc vợ chồng chị Nh, anh A phải trả cho vợ chồng bà số tiền gốc là 594.000.000 đồng và 175.576.000 đồng tiền lãi tổng cộng cả gốc và lãi là 769.576.000 đồng.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Trần Văn A và chị Trần Thị Nh đã được Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng anh A và chị Nh đều vắng mặt. Chị Nh, anh A đều xác nhận có nhận được giấy triệu tập của Tòa án nhưng chị Nh cho rằng chị không nợ Tòa án, chị chỉ nợ bà M nên chị không đến Tòa án làm việc còn anh A do bận đi làm ăn trả nợ nên không có mặt làm việc với Tòa án được. Tại phiên tòa hôm nay bị đơn chị Trần Thị Nh và anh Trần Văn A vẫn vắng mặt không có lý do nhưng trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã lấy lời khai chị Nh và anh A thể hiện: Quá trình vay nợ phù hợp với lời khai của bà Phạm Thị M trình bày, đến năm 2017 hai bên đã chốt lại số tiền vay là 594.000.000 đồng (năm trăm chín mươi bốn triệu đồng). Ngày 28/12/2019 âm lịch chị Nh đã trả thêm cho bà M số tiền là 5.000.000 đồng vào tiền gốc. Lãi suất cho vay ban đầu là 2.000 đồng/1.000.000 đồng/1 ngày sau trả được vài tháng thì lãi giảm xuống còn 1.500 đồng/1.000.000 đồng/1 ngày. Nay ông Ph và bà M khởi kiện đòi nợ, quan điểm của chị Nh là do gia đình bà làm ăn khó khăn nên bà đề nghị được trả dần gốc và không phải trả lãi đối với khoản vay nói trên. Bị đơn anh Trần Văn A trình bày việc vay nợ là do chị Nh vay của bà M, ông Ph thì anh không biết nhưng sau khi bà M xuống đòi nợ thì anh mới biết và anh A kí vào giấy cam kết trả nợ. Mục đích vợ anh là chị Nh vay tiền của bà M, ông Ph để mua bán vật liệu xây dựng vì gia đình anh có bãi bán nguyên vật liệu xây dựng. Tuy nhiên do người mua vật liệu xây dựng còn đang nợ gia đình

anh nên gia đình anh chưa có tiền trả nợ cho vợ chồng ông Ph, bà M. Nay quan điểm của anh A là công nợ thì trả dần, vợ chồng anh chưa có tiền trả nên anh xin khất để trả dần.

Quá trình tranh luận quan điểm của bà M, ông Ph không nhất trí với quan điểm của vợ chồng anh A chị Nh xin trả dần số tiền gốc và tiền lãi xin không trả. Bà M, ông Ph đề nghị vợ chồng anh A, chị Nh phải trả cả gốc và lãi cho vợ chồng bà. Còn số tiền 5.000.000đồng chị Nh trả hồi tháng 12/2019 (AL) là trả vào số tiền lãi chứ không phải trả vào tiền gốc như chị Nh trình bày với Toà án.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên toà phát biểu ý kiến:

+ Về tố tụng: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến xét xử tại phiên toà hôm nay Thẩm phán thụ lý giải quyết cũng như Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về nội dung. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Áp dụng Điều 463, 466, 468 và Điều 375 Bộ luật Dân sự: Buộc vợ chồng anh Trần Văn A và chị Trần Thị Nh có trách nhiệm trả nợ cho vợ chồng bà Phạm Thị M, ông Nguyễn Văn Ph số tiền gốc và lãi đến tháng 08/2020 là 769.576.000 đồng. Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội để tuyên án phí dân sự sơ thẩm đối với vợ chồng anh A chị Nh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Toà án nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Trần Thị Nh và anh Trần Văn A cùng đăng ký hộ khẩu thường trú tại: Khu 6, thị trấn R, huyện N, tỉnh Nam Định và có địa chỉ liên hệ tại: Đội 8, N, HTX N xã N, huyện N, tỉnh Nam Định. Bà Phạm Thị M và ông Nguyễn Văn Ph có yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp vay tài sản đối với anh A, chị Nh và Tòa án nhân dân huyện N thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền. Tại phiên tòa hôm nay anh A, chị Nh đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 2 Điều 26 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về thời hiệu và quan hệ pháp luật tranh chấp: Căn cứ vào tài liệu chứng cứ của nguyên đơn ông Nguyễn Văn Ph, bà Phạm thị M cung cấp cũng như lời trình bày của nguyên đơn và bị đơn chị Trần Thị Nh, anh Trần Văn A trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay xác định chị Nh, anh A vay tiền của ông Ph bà M từ năm 2012 đến tháng 07/2017 chốt nợ và viết giấy vay tiền còn lãi suất thỏa thuận miệng là 1,5%/1 tháng, nhưng từ tháng 07/2017 cho đến nay chị Nh, anh A chưa trả lãi và gốc cho bà M, ông Ph nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự. Hai bên xác lập giao dịch dân sự năm 2017 nên

áp dụng Bộ luật dân sự năm 2015 để giải quyết vụ án. Về thời hiệu khởi kiện theo quy định tại Điều 429 Bộ luật dân sự thì tranh chấp vẫn còn thời hiệu khởi kiện.

[3] Về nội dung vụ án: Trên cơ sở quen biết nhau nên từ những năm 2011 – 2012 vợ chồng ông Nguyễn Văn Ph, bà Phạm Thị M có cho chị Trần Thị Nh vay tiền, việc vay nợ diễn ra nhiều lần và cứ vay xong lại trả mục đích chị Nh vay về để kinh doanh phát triển kinh tế cho gia đình. Đến năm 2015 thì chị Nh không trả nợ cho vợ chồng ông Ph bà M nên bà M đã đến nhà đòi nợ chị Nh anh A nhiều lần và ngày 05/02/2015 vợ chồng anh A chị Nh đã viết giấy cam kết trả nợ với vợ chồng bà M, ông Ph. Đến ngày 09/7/2017 giữa hai bên chốt số nợ và chị Nh có viết giấy vay nợ với vợ chồng bà M ông Ph. Vợ chồng bà M, ông Ph đã đòi nợ nhiều lần vợ chồng chị Nh, anh A vẫn không trả. Nay vợ chồng ông Nguyễn Văn Ph, bà Phạm Thị M khởi kiện đề nghị vợ chồng anh Trần Văn A, chị Trần Thị Nh phải trả cho vợ chồng ông bà số tiền nợ gốc là 594.000.000đồng và số tiền lãi kể từ tháng 7/2017 cho đến hết tháng 08/2020 với mức lãi xuất là 0,8%/ 1 tháng. Phía anh A, chị Nh xác nhận có việc vay nợ giữa vợ chồng anh với vợ chồng ông Ph, bà M, mục đích vay để buôn bán vật liệu xây dựng. Anh A có lời khai xác định anh không biết việc vay nợ giữa bà M và chị Nh, tuy nhiên khi bà M đến đòi nợ anh đã ký vào giấy cam kết trả nợ. Anh A cũng xác định việc vay nợ mục đích để phát triển kinh tế chung cho gia đình do đó anh A phải đồng trách nhiệm cùng chị Nh trả nợ cho nguyên đơn. Anh A, chị Nh khi được Tòa án triệu tập để làm việc đều không có mặt thể hiện sự chối bỏ và thoái thác trách nhiệm trả tiền cho ông Ph, bà M. Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ do đương sự giao nộp và lời khai của nguyên đơn, bị đơn Hội đồng xét xử xét thấy anh A và chị Nh đã ký Giấy cam kết ngày 05/2/2015 và Giấy vay tiền viết tay ngày 09/7/2017 nhận nợ số tiền gốc là 594.000.000 đồng với ông Ph, bà M. Trong suốt quá trình ông Ph, bà M đòi nợ thì anh A, chị Nh cũng không có ý kiến gì về số tiền nợ gốc này. Vì vậy Hội đồng xét xử nhận định yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở nên được chấp nhận.

[4] Đối với lãi suất của khoản vay: Theo lời khai của chị Nh thì lãi suất cho vay ban đầu là 2.000 đồng/1.000.000 đồng/1 ngày sau khi trả được vài tháng thì lãi giảm xuống 1.500 đồng/1.000.000 đồng/1 ngày, tuy nhiên chị Nh không cung cấp được tài liệu chứng minh cho lời trình bày của mình. Anh A, chị Nh đã được Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng đều vắng mặt tại các buổi làm việc với Tòa án và tại phiên họp kiểm tra việc tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nên Tòa án không thể tiến hành đối chất và hòa giải giữa các bên đương sự được. Đối với yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn trả lãi là 0,8%/ 1 tháng, Hội đồng xét xử nhận định do hai bên có thoả thuận về lãi nhưng không xác định rõ lãi suất và có tranh chấp về lãi suất do đó cần áp dụng khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 để tính lãi cho khoản vay nói trên. Yêu cầu tính lãi của nguyên đơn là 0,8 %/ 1 tháng thấy phù hợp với giới hạn lãi quy định tại Điều 468 nên được chấp nhận vì vậy buộc vợ chồng anh Trần Văn A, chị Trần Thị Nh phải trả số tiền lãi tính từ tháng 07/2017 cho đến

hết tháng 08/2020 cho vợ chồng ông Nguyễn Văn Ph, bà Phạm Thị M số tiền lãi là 38 tháng x 4.752.000đ (0,8%/ 01 tháng) = 180.576.000 đồng.

Đối với số tiền 5.000.000đong chị Nh trả cho bà M vào tháng 12/2019 (AL), khi trả hai bên không có viết giấy giao nhận gì, phía chị Nh trình bày số tiền đó trả vào tiền gốc vay, phía bà M ông Ph có quan điểm đó là tiền lãi. Hội đồng xét xử thấy vợ chồng chị Nh anh A từ tháng 7/2017 chưa trả lãi vay cho vợ chồng ông Ph bà M, nên việc vợ chồng bà M ông Ph trình bày đây là số tiền lãi thấy phù hợp do vậy 5.000.000đong này sẽ được trừ vào số tiền lãi mà vợ chồng ông Ph bà M yêu cầu anh A chị Nh phải trả từ tháng 7/2017 cho đến hết tháng 08/2020 (180.576.000đ – 5.000.000đ = 175.576.000đ).

Bị đơn xin trả dần số tiền gốc và số tiền lãi do hoàn cảnh khó khăn nên anh chị xin không phải trả lãi. Nguyên đơn không đồng ý với ý kiến của bị đơn, do vậy ý kiến của bị đơn không được chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên căn cứ Điều 6; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội: Buộc bị đơn chị Trần Thị Nh, anh Trần Văn A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Bà Phạm Thị M, ông Nguyễn Văn Ph không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[6] Xét đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện N là phù hợp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 147, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 6 và Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội;

1. Xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị M và ông Nguyễn Văn Ph: Buộc vợ chồng anh Trần Văn A và chị Trần Thị Nh phải thanh toán cho bà Phạm Thị M và ông Nguyễn Văn Ph số tiền gốc là 594.000.000 đồng (Năm trăm chín mươi bốn triệu đồng) và tiền lãi vay từ tháng 07/2017 cho đến hết tháng 08/2020 là 175.576.000 đồng. Tổng cộng là 769.576.000đ (Bảy trăm sáu mươi chín triệu lăm trăm bảy mươi sáu nghìn đồng).

Sau khi án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày bà Phạm Thị M và ông Nguyễn Văn Ph có đơn yêu cầu thi hành án mà anh Trần Văn A và chị Trần Thị Nh chưa thi hành thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

2. Về án phí: Anh Trần Văn A và chị Trần Thị Nh phải nộp đồng án phí dân sự sơ thẩm là 34.783.000 đồng.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn. Báo cho người có mặt biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi liên quan có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Toà án nhân dân tỉnh;
- VKSND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- Các đương sự;
- UBND thị trấn R;
- UBND xã N;
- Lưu văn phòng; HSVA.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Phạm Hùng Phương